

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB Formula

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch $I_n = 20A \dots 630A$
 Loại cố định, khả năng cắt ngắn mạch lên tới 50KA
 Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 630A
 Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Khả năng cắt (KA)	Loại	Dòng định mức I_n (A)	MCCB 1P Mã sản phẩm	Dự toán VND	MCCB 2P Mã sản phẩm	Dự toán VND
	18KA	A1C	20	1SDA066486R1	1,591,200	-	-
			25	1SDA066487R1	1,591,200	-	-
			30	1SDA066488R1	1,591,200	-	-
			32	1SDA068754R1	1,591,200	-	-
			40	1SDA066489R1	1,591,200	-	-
			50	1SDA066490R1	1,756,800	-	-
			60	1SDA066491R1	1,756,800	-	-
			63	1SDA068765R1	2,092,800	-	-
			70	1SDA066492R1	2,092,800	-	-
			80	1SDA066493R1	2,092,800	-	-
			90	1SDA066494R1	2,092,800	-	-
			100	1SDA066495R1	2,092,800	-	-
			125	1SDA066496R1	2,301,600	-	-
		A2C	150	1SDA068776R1	-	-	-
			160	1SDA066537R1	-	-	-
			175	1SDA066538R1	-	-	-
			200	1SDA066539R1	-	-	-
			225	1SDA066540R1	-	-	-
			250	1SDA066541R1	-	-	-
	25KA for 1P 30KA for 2P	A1N	20	1SDA066686R1	1,672,800	1SDA066497R1	1,790,400
			25	1SDA066687R1	1,672,800	1SDA066498R1	1,790,400
			30	1SDA066688R1	1,672,800	1SDA066499R1	1,790,400
			32	1SDA068755R1	1,672,800	1SDA068756R1	1,790,400
			40	1SDA066689R1	1,672,800	1SDA066500R1	1,790,400
			50	1SDA066690R1	1,850,400	1SDA066501R1	1,982,400
			60	1SDA066691R1	1,850,400	1SDA066502R1	1,982,400
			63	1SDA068766R1	2,203,200	1SDA068767R1	2,361,600
			70	1SDA066692R1	2,203,200	1SDA066503R1	2,361,600
			80	1SDA066693R1	2,203,200	1SDA066504R1	2,361,600
			90	1SDA066694R1	2,203,200	1SDA066505R1	2,361,600
			100	1SDA066695R1	2,203,200	1SDA066506R1	2,361,600
			125	1SDA066696R1	2,424,000	1SDA066507R1	2,594,400
		A2N	150	1SDA068777R1	-	1SDA068778R1	4,476,000
			160	1SDA066770R1	-	1SDA066543R1	4,476,000
			175	1SDA066771R1	-	1SDA066544R1	4,476,000
			200	1SDA066772R1	-	1SDA066545R1	4,814,400
			225	1SDA066773R1	-	1SDA066546R1	4,814,400
			250	1SDA066774R1	-	1SDA066547R1	4,814,400

A1 - 2 poles

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB Formula

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch $I_n = 20A \dots 630A$
 Loại cố định, khả năng cắt ngắn mạch lên tới 50KA
 Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 630A
 Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Khả năng cắt (KA)	Loại	Dòng định mức In (A)	MCCB 3P Mã sản phẩm	Dự toán VND	MCCB 4P Mã sản phẩm	Dự toán VND
	5KA	A0A	80	1SDA079803R1	1,905,600		-
			100	1SDA079804R1	1,905,600		-
	7.5KA	A0B	30	1SDA079805R1	1,516,800		-
			40	1SDA079806R1	1,516,800		-
			63	1SDA079807R1	2,006,400		-
			80	1SDA079808R1	2,006,400		-
			100	1SDA079809R1	2,006,400		-
	10KA	A0C	30	1SDA079810R1	1,586,400		-
			40	1SDA079811R1	1,586,400		-
			63	1SDA079812R1	2,088,000		-
			80	1SDA079813R1	2,088,000		-
			100	1SDA079814R1	2,088,000		-
	10KA	A1A	15		-	1SDA066524R1	2,044,800
			16		-	1SDA068750R1	2,044,800
20			1SDA066511R1	1,634,400	1SDA066525R1	2,044,800	
25			1SDA066512R1	1,634,400	1SDA066526R1	2,044,800	
30			1SDA066513R1	1,634,400	1SDA066527R1	2,044,800	
32			1SDA068757R1	1,634,400	1SDA068761R1	2,044,800	
40			1SDA066514R1	1,634,400	1SDA066528R1	2,044,800	
50			1SDA066515R1	1,807,200	1SDA066529R1	2,258,400	
63			1SDA068768R1	2,152,800	1SDA068772R1	2,688,000	
70			1SDA066517R1	2,152,800	1SDA066531R1	2,688,000	
80			1SDA066518R1	2,152,800	1SDA066532R1	2,688,000	
90			1SDA066519R1	2,152,800	1SDA066533R1	2,688,000	
100			1SDA066520R1	2,152,800	1SDA066534R1	2,688,000	
125			1SDA066521R1	2,366,400	1SDA066535R1	2,959,200	
18KA	A1B	20	1SDA066698R1	1,922,400	1SDA066734R1	2,400,000	
		25	1SDA066699R1	1,922,400	1SDA066735R1	2,400,000	
		30	1SDA066700R1	1,922,400	1SDA066736R1	2,400,000	
		32	1SDA068758R1	1,922,400	1SDA068762R1	2,400,000	
		40	1SDA066701R1	1,922,400	1SDA066737R1	2,400,000	
		50	1SDA066702R1	2,124,000	1SDA066738R1	2,656,800	
		63	1SDA068769R1	2,527,200	1SDA068773R1	3,160,800	
		70	1SDA066704R1	2,527,200	1SDA066740R1	3,160,800	
		80	1SDA066705R1	2,527,200	1SDA066741R1	3,160,800	
		90	1SDA066706R1	2,527,200	1SDA066742R1	3,160,800	
		100	1SDA066707R1	2,527,200	1SDA066743R1	3,160,800	
		125	1SDA066708R1	2,781,600	1SDA066744R1	3,477,600	
		A2B	150	1SDA068779R1	5,119,200	1SDA068782R1	6,398,400
			160	1SDA066549R1	5,119,200	1SDA066555R1	6,398,400
175	1SDA066550R1		5,119,200	1SDA066556R1	6,398,400		
200	1SDA066551R1		5,505,600	1SDA066557R1	6,880,800		
225	1SDA066552R1		5,505,600	1SDA066558R1	6,880,800		
250	1SDA066553R1		5,505,600	1SDA066559R1	6,880,800		

A1 - 3 poles



A2 - 3 poles

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB Formula

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch $I_n = 20A \dots 630A$
Loại cố định, khả năng cắt ngắn mạch lên tới 50KA
Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 630A
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Khả năng cắt (KA)	Loại	Dòng định mức In (A)	MCCB 3P Mã sản phẩm	Dự toán VND	MCCB 4P Mã sản phẩm	Dự toán VND
	25KA	A1C	20	1SDA066710R1	2,270,400	1SDA066746R1	2,839,200
			25	1SDA066711R1	2,270,400	1SDA066747R1	2,839,200
			30	1SDA066712R1	2,270,400	1SDA066748R1	2,839,200
			32	1SDA068759R1	2,270,400	1SDA068763R1	2,839,200
			40	1SDA066713R1	2,270,400	1SDA066749R1	2,839,200
			50	1SDA066714R1	2,508,000	1SDA066750R1	3,139,200
			60	1SDA066715R1	2,508,000	1SDA066751R1	3,139,200
			70	1SDA066716R1	2,990,400	1SDA066752R1	3,734,400
			80	1SDA066717R1	2,990,400	1SDA066753R1	3,734,400
			90	1SDA066718R1	2,990,400	1SDA066754R1	3,734,400
			100	1SDA066719R1	2,990,400	1SDA066755R1	3,734,400
			125	1SDA066720R1	3,288,000	1SDA066756R1	4,111,200
		A2C	150	1SDA068780R1	5,887,200	1SDA068783R1	7,360,800
			160	1SDA066776R1	5,887,200	1SDA066788R1	7,360,800
			175	1SDA066777R1	5,887,200	1SDA066789R1	7,360,800
	36KA	A1N	20	1SDA066722R1	2,390,400	1SDA066758R1	2,990,400
			25	1SDA066723R1	2,390,400	1SDA066759R1	2,990,400
			30	1SDA066724R1	2,390,400	1SDA066760R1	2,990,400
			32	1SDA068760R1	2,390,400	1SDA068764R1	2,990,400
			40	1SDA066725R1	2,390,400	1SDA066761R1	2,990,400
			50	1SDA066726R1	2,644,800	1SDA066762R1	3,304,800
			60	1SDA066727R1	2,644,800	1SDA066763R1	3,304,800
			63	1SDA068771R1	3,146,400	1SDA068775R1	3,933,600
			70	1SDA066728R1	3,146,400	1SDA066764R1	3,933,600
			80	1SDA066729R1	3,146,400	1SDA066765R1	3,933,600
			90	1SDA066730R1	3,146,400	1SDA066766R1	3,933,600
			100	1SDA066731R1	3,146,400	1SDA066767R1	3,933,600
		125	1SDA066732R1	3,460,800	1SDA066768R1	4,327,200	
		A2N	150	1SDA068781R1	5,968,800	1SDA068784R1	7,464,000
			160	1SDA066782R1	5,968,800	1SDA066794R1	7,464,000
175	1SDA066783R1		5,968,800	1SDA066795R1	7,464,000		
200	1SDA066784R1		6,417,600	1SDA066796R1	8,025,600		
225	1SDA066785R1		6,417,600	1SDA066797R1	8,025,600		
250	1SDA066786R1		6,417,600	1SDA066798R1	8,025,600		
A3N	320	1SDA066560R1	12,052,800	1SDA066568R1	15,187,200		
	400	1SDA066561R1	12,052,800	1SDA066569R1	15,187,200		
	500	1SDA066564R1	19,264,800	1SDA066572R1	24,237,600		
	630	1SDA066566R1	20,083,200	1SDA066574R1	25,348,800		
	50KA	A3S	320	1SDA066562R1	12,806,400	1SDA066570R1	15,885,600
			400	1SDA066563R1	12,806,400	1SDA066571R1	15,885,600
			500	1SDA066565R1	21,192,000	1SDA066573R1	26,491,200
			630	1SDA066567R1	22,092,000	1SDA066575R1	27,616,800

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Formula

Đặc điểm

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho A1-A2 Mã sản phẩm	Dự toán VND	Dùng cho A3 Mã sản phẩm	Dự toán VND
 SOR	Cuộn shunt ngắt - SOR (Shunt Open Release) - Loại có dây				
	SOR-C 12V DC	1SDA066133R1	1,701,600	1SDA054869R1	3,204,000
	SOR-C 24...30V AC/DC	1SDA066134R1	1,701,600	1SDA054870R1	3,204,000
	SOR-C 48...60V AC/DC	1SDA066135R1	1,701,600	1SDA054871R1	3,204,000
	SOR-C 110-127V AC; 110-125V DC	1SDA066136R1	1,701,600	1SDA054872R1	3,204,000
	SOR-C 220-240V AC; 220-250V DC	1SDA066137R1	1,701,600	1SDA054873R1	3,204,000
	SOR-C 380...440V AC	1SDA066138R1	1,701,600	1SDA054874R1	3,204,000
	SOR-C 480...500V AC	1SDA066141R1	1,701,600	1SDA054875R1	3,204,000
 AUX	Tiếp điểm phụ - AUX- Loại có dây				
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC 3-4 poles	1SDA066149R1	1,968,000	1SDA054910R1	1,903,200
	AUX-C 2Q 1SY 250V AC/DC 3-4 poles	1SDA066150R1	2,618,400		-
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC 2 poles A1	1SDA066151R1	1,968,000		-
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC 2 poles A2	1SDA066152R1	2,618,400		-
	AUX-C 3Q 1SY 250V AC/DC			1SDA054911R1	3,129,600
 AUE - C	Tiếp điểm phụ đóng sớm - AUE-C cho phép đóng sớm cấp điện cho cuộn UVR				
	AUE-C	1SDA066153R1	1,968,000	1SDA054925R1	2,140,800
	Cuộn bảo vệ điện áp thấp - UVR (cable version)				
	UVR-C 24...30V AC / DC	1SDA066143R1	2,160,000	1SDA054887R1	4,946,400
	UVR-C 48V AC / DC	1SDA066144R1	2,160,000	1SDA054888R1	4,946,400
	UVR-C 110-127V AC; 110-125V DC	1SDA066145R1	2,160,000	1SDA054890R1	4,946,400
 RHD/RHE	UVR-C 220-240V AC; 220-250V DC	1SDA066146R1	2,160,000	1SDA054891R1	4,946,400
	UVR-C 380...440V AC	1SDA066147R1	2,160,000	1SDA054892R1	4,946,400
	UVR-C 480...500V AC	1SDA066148R1	2,160,000	1SDA054893R1	4,946,400
	Tay xoay (Rotary handle)				
 FLD	RHD - tay nắm xoay trực tiếp	1SDA066154R1	1,360,800	1SDA066155R1	1,704,000
	RHE - tay nắm xoay loại có trục nổi dài	1SDA066158R1	2,253,600	1SDA066159R1	2,822,400
	Front Lock Door (FLD) gắn ở mặt trước MCCB, cho phép khóa bởi chìa khóa hoặc khóa móc				
	Front Lock Door			1SDA066179R1	1,089,600

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB Tmax

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch

Chỉnh dòng quá tải:

Với trip từ nhiệt: từ 0.7-1In với dòng định mức từ 1A.. 250A

Với trip điện tử : từ 0.4-1In với dòng định mức $> 320A$

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 630A

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

<

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB Tmax

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch

Chỉnh dòng quá tải: Với trip từ nhiệt: từ 0.7-1In

Với trip điện từ: từ 0.4-1In

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 630A

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Khả năng cắt (KA)	Loại	Dòng định mức In (A)	MCCB 3P Mã sản phẩm	Dự toán VND	MCCB 4P Mã sản phẩm	Dự toán VND
 T4	50KA	XT2S	16	1SDA067550R1	7,221,600	1SDA067571R1	9,388,800
			20	1SDA067551R1	7,221,600	1SDA067572R1	9,388,800
			25	1SDA067552R1	7,221,600	1SDA067573R1	9,388,800
			32	1SDA067553R1	7,221,600	1SDA067574R1	9,388,800
			40	1SDA067554R1	7,221,600	1SDA067575R1	9,388,800
			50	1SDA067555R1	7,221,600	1SDA067576R1	9,388,800
			63	1SDA067556R1	7,221,600	1SDA067577R1	9,388,800
			80	1SDA067557R1	7,221,600	1SDA067578R1	9,388,800
			100	1SDA067558R1	7,221,600	1SDA067579R1	9,388,800
			125	1SDA067559R1	9,648,000	1SDA067580R1	12,540,000
			160	1SDA067560R1	12,240,000	1SDA067581R1	15,909,600
		XT3S	200	1SDA068220R1	9,693,600	1SDA068227R1	12,600,000
			250	1SDA068221R1	10,701,600	1SDA068228R1	13,910,400
		T4S	320	1SDA054125R1	19,063,200	1SDA054129R1	26,688,000
		T5S	400	1SDA054333R1	19,447,200	1SDA054341R1	25,281,600
			630	1SDA054404R1	31,416,000	1SDA054408R1	40,843,200
	70KA	XT2H	16	1SDA067594R1	7,500,000	1SDA067615R1	9,748,800
			20	1SDA067595R1	7,500,000	1SDA067616R1	9,748,800
			25	1SDA067596R1	7,500,000	1SDA067617R1	9,748,800
			32	1SDA067597R1	7,500,000	1SDA067618R1	9,748,800
			40	1SDA067598R1	7,500,000	1SDA067619R1	9,748,800
			50	1SDA067599R1	7,500,000	1SDA067620R1	9,748,800
			63	1SDA067600R1	7,500,000	1SDA067621R1	9,748,800
			80	1SDA067601R1	7,500,000	1SDA067622R1	9,748,800
			100	1SDA067602R1	7,500,000	1SDA067623R1	9,748,800
			125	1SDA067603R1	10,336,800	1SDA067624R1	13,440,000
			160	1SDA067604R1	12,480,000	1SDA067625R1	16,226,400
		XT4H	200	1SDA068343R1	14,822,400	1SDA068362R1	20,752,800
			250	1SDA068345R1	16,365,600	1SDA068364R1	22,912,800
		T4H	320	1SDA054133R1	20,659,200	1SDA054137R1	28,922,400
		T5H	400	1SDA054349R1	20,880,000	1SDA054357R1	27,141,600
			630	1SDA054412R1	36,928,800	1SDA054416R1	48,002,400
	120KA	XT2L	16	1SDA067638R1	9,000,000	1SDA067659R1	11,700,000
			25	1SDA067640R1	9,000,000	1SDA067661R1	11,700,000
			32	1SDA067641R1	9,000,000	1SDA067662R1	11,700,000
			40	1SDA067642R1	9,000,000	1SDA067663R1	11,700,000
			50	1SDA067643R1	9,000,000	1SDA067664R1	11,700,000
			63	1SDA067644R1	9,000,000	1SDA067665R1	11,700,000
			80	1SDA067645R1	9,000,000	1SDA067666R1	11,700,000
			100	1SDA067646R1	9,000,000	1SDA067667R1	11,700,000
			125	1SDA067647R1	12,405,600	1SDA067668R1	16,125,600
			160	1SDA067648R1	14,978,400	1SDA067669R1	19,471,200
		XT4L	250	1SDA068555R1	21,604,800	1SDA068575R1	30,242,400
			320	1SDA054141R1	26,239,200	1SDA054145R1	36,732,000
		T5L	400	1SDA054365R1	29,856,000	1SDA054373R1	38,812,800
			630	1SDA054420R1	40,617,600	1SDA054424R1	52,807,200

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Cầu dao tự động dạng khối - MCCB T6-T7-T7M

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Chính dòng quá tải: Với trip điện tử: từ 0.4-1In

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 3200A

Sản phẩm	Khả năng cắt (KA)	Loại	Dòng định mức In (A)	MCCB 3P Mã sản phẩm	Dự toán VND	MCCB 4P Mã sản phẩm	Dự toán VND
	T6 - T7 MCCB						
	36KA	T6N	800	1SDA060268R1	38,611,200	1SDA060273R1	50,196,000
	50KA	T6S	800	1SDA060278R1	42,844,800	1SDA060283R1	55,699,200
		T7S	1000	1SDA062738R1	46,692,000	1SDA062746R1	60,698,400
			1250	1SDA062866R1	52,226,400	1SDA062874R1	67,893,600
			1600	1SDA062994R1	75,544,800	1SDA063002R1	98,212,800
	70KA	T6H	800	1SDA060289R1	49,346,400	1SDA060294R1	64,152,000
		T7H	1000	1SDA062770R1	53,390,400	1SDA062778R1	69,403,200
			1250	1SDA062898R1	58,728,000	1SDA062906R1	76,344,000
			1600	1SDA063026R1	87,662,400	1SDA063034R1	113,961,600
	100KA	T6L	800	1SDA060299R1	59,294,400	1SDA060305R1	77,085,600
	120KA	T7L	1000	1SDA062802R1	65,184,000	1SDA062810R1	84,739,200
			1250	1SDA062930R1	70,180,800	1SDA062938R1	91,236,000
			1600	1SDA063058R1	100,860,000	1SDA063066R1	131,121,600
	T7- M MCCB						
	50KA	T7S-M	800	1SDA061981R1	47,556,000	1SDA061989R1	61,824,000
			1000	1SDA062754R1	48,093,600	1SDA062762R1	62,520,000
			1250	1SDA062882R1	53,793,600	1SDA062890R1	69,931,200
			1600	1SDA063010R1	77,812,800	1SDA063018R1	101,160,000
	70KA	T7H-M	800	1SDA062658R1	54,374,400	1SDA062666R1	70,689,600
			1000	1SDA062786R1	54,991,200	1SDA062794R1	71,486,400
			1250	1SDA062914R1	60,492,000	1SDA062922R1	78,636,000
			1600	1SDA063042R1	90,292,800	1SDA063050R1	117,381,600
	120KA	T7L-M	800	1SDA062690R1	66,388,800	1SDA062698R1	86,308,800
			1000	1SDA062818R1	67,137,600	1SDA062826R1	87,283,200
			1250	1SDA062946R1	72,285,600	1SDA062954R1	93,974,400
			1600	1SDA063074R1	103,886,400	1SDA063082R1	135,052,800
	150KA	T7V-M	800	1SDA062722R1	70,900,800	1SDA062730R1	92,174,400
			1000	1SDA062850R1	71,702,400	1SDA062858R1	93,213,600
			1250	1SDA062978R1	79,516,800	1SDA062986R1	103,368,000



Tương thích điện từ



Nhiệt đới hóa

Các bộ ngắt bảo vệ và bảo vệ dòng rò bằng điện tử tuân theo tiêu chuẩn tương thích điện từ IEC 60947-2, phụ lục B và F

Hoạt động của các bộ bảo vệ điện tử trên không chịu sự tác động do các nhiễu loạn của các thiết bị điện tử cũng như các nhiễu loạn trong không khí và các hiện tượng phóng điện lân cận

Cầu dao tự động và các phụ kiện được nhiệt đới hóa tuân theo tiêu chuẩn IEC IEC 60068-2-30 nhờ các cấu trúc chuyên biệt:

- Vỏ hộp cách điện được làm từ nhựa tổng hợp và gia cố thêm bằng sợi thủy tinh
- Xử lý chống ăn mòn cho các phần kim loại chính
- Ứng dụng bảo vệ chống ngưng tụ nước cho bộ bảo vệ quá tải và các phụ kiện liên quan

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Cầu dao tự động dạng khối

MCCB TmaxXT dùng cho bảo vệ động cơ

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch
Chỉnh dòng quá tải: - Với trip từ nhiệt: từ 0.7 - 1 In
 - Với trip điện tử: từ 0.4 - 1 In

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 250A
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Trip Unit: MF/MA*				N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)			
	Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND			
	XT2	12.5		1SDA067048R1	8,332,800	1SDA067764R1	8,666,400	1SDA067774R1	9,000,000			
		20		1SDA067049R1	8,332,800	1SDA067765R1	8,666,400	1SDA067775R1	9,000,000			
		32		1SDA067050R1	8,332,800	1SDA067766R1	8,666,400	1SDA067776R1	9,000,000			
		52	3	1SDA067051R1	8,332,800	1SDA067767R1	8,666,400	1SDA067777R1	9,000,000			
		80		1SDA067052R1	8,332,800	1SDA067768R1	8,666,400	1SDA067778R1	9,000,000			
		100		1SDA067053R1	8,332,800	1SDA067769R1	8,666,400	1SDA067779R1	9,000,000			
		160		1SDA076529R1	9,014,400	1SDA076530R1	9,376,800	1SDA076535R1	9,736,800			
	XT4	200		1SDA068121R1	13,108,800	1SDA068440R1	14,335,200	1SDA068450R1	18,794,400			
Trip Unit: Ekip I												
Frame In(A) Poles				N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)				
				Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND			
				20	1SDA067086R1	18,832,800	1SDA067829R1		1SDA067886R1	19,509,600		
				32	1SDA067087R1	18,832,800	1SDA067830R1		1SDA067887R1	19,509,600		
XT2				52	3	1SDA067088R1	18,832,800	1SDA067831R1		1SDA067888R1	19,509,600	
				100	1SDA067089R1	18,832,800	1SDA067832R1		1SDA067889R1	19,509,600		
				160	1SDA067063R1	16,795,200	1SDA067809R1		1SDA067866R1	17,474,400		
XT4				250	1SDA068131R1	16,236,000	1SDA068480R1		1SDA068520R1	19,641,600		
Loose trip units (1)												
Ekip M-LIU												
Frame In(A) Poles				Mã sản phẩm	Dự toán VND	Ekip M-LRIU						
				25	1SDA067352R1	12,444,000	25		1SDA067357R1	14,642,400		
XT2				63	3	1SDA067353R1	12,444,000	XT2	63	3	1SDA067358R1	14,642,400
				100	1SDA067354R1	12,444,000	100		1SDA067359R1	14,642,400		
				160	1SDA067355R1	13,824,000	160		1SDA068036R1	26,404,800		
							XT4	200		1SDA068037R1	26,404,800	
Breaking part (2)												
N (36KA)												
				Mã sản phẩm	Dự toán VND	S (50KA)						
				XT2 - Breaking part	1SDA068163R1	10,742,400	1SDA068164R1	11,080,800	1SDA068165R1	11,419,200		
				XT4 - Breaking part	1SDA068289R1	8,623,200	1SDA068290R1	10,029,600	1SDA068291R1	11,428,800		
H (70 KA)												
				Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm				Dự toán VND		
				XT2								
				XT3								
				XT4								
Note												
MCCB sử dụng Trip điện tử M-LIU và M-LRIU chuyên biệt cho mục đích bảo vệ động cơ được cấu thành từ 2 bộ phận (1) &(2)												
Breaking capacity at 415VAC												
Icu												
N										36KA		
S										50KA		
H										70KA		
L										120KA		

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Cầu dao tự động dạng khối

MCCB TmaxT dùng cho bảo vệ động cơ

Đặc điểm

Sản xuất tại Ý, bảo vệ quá tải, ngắn mạch
Chỉnh dòng quá tải: - Với trip từ nhiệt: từ 0.7 - 1 In
 - Với trip điện tử: từ 0.4 - 1 In

Được nhiệt đới hoá, dễ dàng lắp đặt, dòng định mức tới 1600A
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Trip Unit: PR221DS-I			N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)	
	Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
 T4	T4	320	3	1SDA054118R1	16,564,800	1SDA054126R1	19,063,200	1SDA054134R1	20,659,200

Trip Unit: PR221 DS-I			N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)	
Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T5	400	3	1SDA054319R1	17,500,800	1SDA054335R1	19,447,200	1SDA054351R1	20,880,000
	630		1SDA054397R1	28,274,400	1SDA054405R1	31,416,000	1SDA054413R1	36,928,800
Ekip M-LRIU			N (36KA)		S (50KA)		L (120KA)	
Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T5	320	3	1SDA054551R1	29,913,600	1SDA054553R1	32,810,400	1SDA054555R1	65,884,800
	400		1SDA064157R1	33,801,600	1SDA064158R1	37,077,600	1SDA064160R1	74,450,400

Trip Unit: PR221 DS-I			N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)	
Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T6	800	3	1SDA060269R1	38,611,200	1SDA060279R1	42,844,800	1SDA060290R1	49,346,400
	1000		1SDA060538R1	40,540,800	1SDA060548R1	44,990,400	1SDA060562R1	51,813,600
Ekip M-LRIU			N (36KA)		S (50KA)		H (70KA)	
Frame	In(A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T6	630	3	1SDA060311R1	54,242,400	1SDA060312R1	55,848,000	1SDA060313R1	57,028,800

Trip Unit: PR231/P I			S (50KA)		H (70KA)	
Frame	In (A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T7	1250	3	1SDA062865R1	52,226,400	1SDA062897R1	58,728,000
	1600		1SDA062993R1	75,544,800	1SDA063025R1	87,662,400

Trip Unit: PR231/P I			S (50KA)		H (70KA)	
Frame	In (A)	Poles	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
T7M	1250	3	1SDA062881R1	53,793,600	1SDA062913R1	60,492,000
	1600		1SDA063009R1	77,812,800	1SDA063041R1	90,292,800

Breaking capacity at 415VAC	
Icu	
N	36KA
S	50KA
H	70KA
L	120KA

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax XT

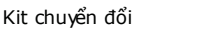
Đặc điểm

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho XT1-XT2-XT3-XT4	Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
 SOR / UVR	Cuộn shunt ngắt - MCCB cố định/Plug-in - Loại có dây cho XT1...XT4					
	SOR-C 12V DC				1SDA066321R1	2,385,600
	SOR-C 24...30V AC/DC				1SDA066322R1	2,385,600
	SOR-C 48...60V AC/DC				1SDA066323R1	2,385,600
	SOR-C 110-127V AC, 110-125V DC				1SDA066324R1	2,385,600
	SOR-C 220-240V AC, 220-250V DC				1SDA066325R1	2,385,600
	SOR-C 380...440V AC				1SDA066326R1	2,385,600
	SOR-C 480...500V AC				1SDA066327R1	2,385,600
 AUX	Cuộn bảo vệ điện áp thấp - MCCB cố định/Plug-in - Loại có dây cho XT1...XT4					
	UVR-C 24...30V AC/DC				1SDA066396R1	4,365,600
	UVR-C 48V AC/DC				1SDA069065R1	4,365,600
	UVR-C 60V AC/DC				1SDA066397R1	4,365,600
	UVR-C 110-127V AC, 110-125V DC				1SDA066398R1	4,365,600
	UVR-C 220-240V AC; 220-250V DC				1SDA066399R1	4,365,600
	UVR-C 380...440V AC				1SDA066400R1	4,365,600
	UVR-C 480...525V AC				1SDA066401R1	4,365,600
 MOD	Tiếp điểm phụ-MCCB cố định/Plug in -Loại có dây		XT1-XT3		XT2-XT4	
	AUX-C 3Q 1SY 24 V DC	1SDA066448R1 (*)	3,804,000		1SDA066448R1	3,804,000
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC	1SDA066431R1	1,903,200		1SDA066431R1	1,903,200
	AUX-C 2Q 1SY 250V AC/DC	1SDA066433R1	4,060,800		1SDA066433R1	4,060,800
	AUX-C 3Q 1SY 250V AC/DC				1SDA066434R1	3,129,600
	AUX-C 1Q 1SY 400V AC				1SDA066444R1	1,903,200
	AUX-C 2Q 400V AC				1SDA066440R1	1,903,200
	Tiếp điểm báo trip - MCCB cố định/Plug-in				XT2-XT4	
 MOD	AUX-SA -C 24V DC cho Ekip				1SDA067116R1	1,360,800
	AUX-SA-C 250V AC cho Ekip				1SDA066429R1	1,564,800
	Động cơ điều khiển		XT1-XT3		XT2-XT4	
	MOD 48...60V DC	1SDA066458R1	10,452,000			
	MOD 220...250V AC/DC	1SDA066460R1	10,452,000			
	MOE 48...60V DC				1SDA066464R1	19,404,000
	MOE 220...250V AC/DC				1SDA066466R1	19,404,000
	Màn hình hiển thị cho bộ bảo vệ điện tử - MCCB cố định/Plug-in				XT2-XT4	
 Display	Ekip display				1SDA068659R1	13,075,200
	Ekip LED Meter				1SDA068660R1	3,189,600
	Lưu ý:					
	- (*) chỉ có ở XT3					

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax XT

Đặc điểm
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết		Dùng cho XT1-XT2-XT3-XT4			
		Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	
	Khoá liên động cơ khí cho XT1...XT4					
	MIR-H - Khung cho liên động ngang			1SDA066637R1	9,720,000	
	MIR-V - Khung cho liên động đứng			1SDA066638R1	9,720,000	
	XT1-F - Để liên động cho MCCB loại cố định			1SDA066639R1	3,888,000	
	XT1-P - Để liên động cho MCCB loại Plug-in			1SDA066640R1	3,888,000	
	XT3-F - Để liên động cho MCCB loại cố định			1SDA066643R1	3,888,000	
	XT3-P - Để liên động cho MCCB loại Plug-in			1SDA066644R1	3,888,000	
	XT2-F - Để liên động cho MCCB loại cố định			1SDA066641R1	3,888,000	
	XT2-P - Để liên động cho MCCB loại Plug-in			1SDA066642R1	3,888,000	
	XT4-F - Để liên động cho MCCB loại cố định			1SDA066645R1	3,888,000	
	XT4-P - Để liên động cho MCCB loại Plug-in			1SDA066646R1	3,888,000	
	Ghi chú: Để liên động cho 2 MCCB, phải chọn 1 khung (MIR-H/V) và 2 để liên động (XT1/2/3/4-F/P)					
	Tay xoay - Loại trực tiếp	XT1-XT3		XT2-XT4		
	RHD dùng cho MCCB cố định/Plug-in	1SDA066475R1	2,397,600	1SDA069053R1	3,168,000	
	RHD dùng cho MCCB Withdrawable			1SDA066476R1	3,168,000	
	Tay xoay - Loại có trục nổi dài	XT1-XT3		XT2-XT4		
	RHE dùng cho MCCB cố định	1SDA066479R1	3,321,600	1SDA069055R1	3,957,600	
	RHE dùng cho MCCB Withdrawable			1SDA066480R1	3,957,600	
	Bộ bảo vệ IP54 cho tay xoay	XT1-XT3		XT2-XT4		
	RHE-IP54 protection kit IP54	1SDA066587R1	811,200	1SDA066587R1	811,200	
	Phần cố định của MCCB loại I Plug-in	3 Cực		4 Cực		
	Kit P PF EF	XT1	1SDA068183R1	3,283,200	1SDA068185R1	4,368,000
		XT3	1SDA068192R1	4,320,000	1SDA068194R1	6,300,000
		XT2	1SDA068187R1	3,456,000	1SDA068190R1	5,042,400
		XT4	1SDA068196R1	4,015,200	1SDA068198R1	5,220,000
	Kit P PF HR/VR	XT1	1SDA068184R1	3,609,600	1SDA068186R1	4,368,000
		XT3	1SDA068193R1	4,752,000	1SDA068195R1	5,743,200
		XT2	1SDA068189R1	3,801,600	1SDA068191R1	4,596,000
		XT4	1SDA068197R1	6,936,000	1SDA068199R1	9,014,400
		Kit chuyển đổi MCCB cố định thành phần di chuyển của loại Plug-in	3 Cực		4 Cực	
Bộ cơ khí cho		Kit P MP XT1	1SDA066276R1	1,708,800	1SDA066277R1	2,272,800
MCCB loại Plug-in		Kit P MP XT3	1SDA066280R1	2,376,000	1SDA066281R1	3,465,600
		Kit P MP XT2	1SDA066278R1	1,898,400	1SDA066279R1	2,774,400
		Kit P MP XT4	1SDA066282R1	2,534,400	1SDA066283R1	3,292,800
		Ghi Chú: MCCB loại Plug-in bao gồm các thiết bị sau:				
		1. MCCB loại cố định tương ứng				
		2. Phần cố định của MCCB loại Plug-in				
		3. Bộ cơ khí cho MCCB loại Plug-in				
						

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax XT

Đặc điểm

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho XT2-XT4				
		Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	
	Phần cố định của MCCB loại kéo ra được (Withdrawable)	3 Cực		4 Cực		
	Kit P PF EF	XT2	1SDA068200R1	5,416,800	1SDA068202R1	7,202,400
		XT4	1SDA068204R1	5,700,000	1SDA068206R1	11,203,200
	Kit P PF HR/VR	XT2	1SDA068201R1	5,956,800	1SDA068203R1	7,202,400
		XT4	1SDA068205R1	7,413,600	1SDA068207R1	8,616,000
	Bộ chuyển MCCB cố định thành phần di động của loại kéo ra được	3 Cực		4 Cực		
	Bộ cơ khí cho MCCB	W MP Kit XT2	1SDA066284R1	3,199,200	1SDA066285R1	4,255,200
	loại Withdrawable	W MP Kit XT4	1SDA066286R1	3,645,600	1SDA066287R1	4,735,200
	Cuộn shunt ngắt - Loại có dây cho MCCB loại kéo ra được XT2-XT4					
	SOR-C 12V DC			1SDA066328R1	2,868,000	
	SOR-C 24...30V AC/DC			1SDA066329R1	2,868,000	
	SOR-C 48...60V AC/DC			1SDA066330R1	2,868,000	
	SOR-C 110-127V AC, 110-125V DC			1SDA066331R1	2,868,000	
	SOR-C 220-240V AC, 220-250V DC			1SDA066332R1	2,868,000	
	SOR-C 380...440V AC			1SDA066333R1	2,868,000	
	SOR-C 480...500V AC			1SDA066334R1	2,868,000	
	Cuộn bảo vệ điện áp thấp - Loại có dây cho MCCB loại kéo ra được XT2-XT4					
	UVR-C 24...30V AC/DC			1SDA066403R1	4,848,000	
	UVR-C 60V AC/DC			1SDA066404R1	4,848,000	
	UVR-C 110-127V AC, 110-125V DC			1SDA066405R1	4,848,000	
	UVR-C 220-240V AC, 220-250V DC			1SDA066406R1	4,848,000	
	UVR-C 380...440V AC			1SDA066407R1	4,848,000	
	UVR-C 480...525V AC			1SDA066408R1	4,848,000	
	Tiếp điểm phụ - MCCB loại kéo ra được XT2-XT4					
	AUX-C 3Q 1SY 24V DC			1SDA066449R1	4,056,000	
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC			1SDA066432R1	2,150,400	
	AUX-C 3Q 1SY 250V AC/DC			1SDA066435R1	4,056,000	
	AUX-C 1Q 1SY 400V AC			1SDA066445R1	2,150,400	
AUX	AUX-C 2Q 400V AC			1SDA066443R1	2,150,400	

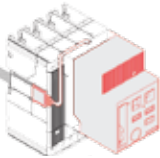
Ghi Chú: MCCB loại Withdrawable bao gồm các thiết bị sau:

1. MCCB loại cố định tương ứng
2. Phần cố định của MCCB loại Withdrawable
3. Bộ cơ khí cho MCCB loại Withdrawable
4. Cần thao tác cơ khí (mặc định có sẵn khi đặt hàng)



Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax

Đặc điểm
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho T4-T5-T6 Mã sản phẩm	Dự toán VND
 SOR UVR T4-T5	Cuộn bảo vệ điện áp thấp dùng cho T4-T5-T6- Loại có dây		
	UVR-C 24...30V AC/DC	1SDA054887R1	4,946,400
	UVR-C 48V AC/DC	1SDA054888R1	4,946,400
	UVR-C 60V AC/DC	1SDA054889R1	4,946,400
	UVR-C 110-127V AC, 110-125V DC	1SDA054890R1	4,946,400
	UVR-C 220-240V AC, 220-250V DC	1SDA054891R1	4,946,400
	UVR-C 380...440V AC	1SDA054892R1	4,946,400
	UVR-C 480...525V AC	1SDA054893R1	4,946,400
 AUX-250V AC/DC	Cuộn shunt ngắt dùng cho T4-T5-T6- Loại có dây		
	SOR-C 12V DC	1SDA054869R1	3,204,000
	SOR-C 24...30V AC/DC	1SDA054870R1	3,204,000
	SOR-C 48...60V AC/DC	1SDA054871R1	3,204,000
	SOR-C 110-127V AC, 110-125V DC	1SDA054872R1	3,204,000
	SOR-C 220-240V AC, 220-250V DC	1SDA054873R1	3,204,000
	SOR-C 380...440V AC	1SDA054874R1	3,204,000
	SOR-C 480...500V AC	1SDA054875R1	3,204,000
 AUX-C-250V AC/DC	Tiếp điểm phụ dùng cho T4-T5-T6- AUX		
	AUX-C 1Q 1SY 250V AC/DC	1SDA054910R1	1,903,200
	AUX-C 3Q 1SY 250V AC/DC	1SDA054911R1	3,129,600
	AUX-C 1Q 1SY 400V AC	1SDA054912R1	1,903,200
	AUX-C 2Q 400V AC	1SDA054913R1	1,903,200
	AUX-C 3Q 1SY 24V DC	1SDA054915R1	3,804,000
	Tiếp điểm báo trip dùng cho T4-T5-T6		
	AUX-SA 1 S51 T4-T5 cho R221-222-222MP	1SDA055050R1	1,564,800
 MCCB gắn MOE	AUX-SA 1 S51 T6 cho PR221-222-223	1SDA060393R1	1,836,000
	Động cơ điều khiển cho T4-T5-T6 - MOE		
	MOE T4-T5 24V DC	1SDA054894R1	19,404,000
	MOE T4-T5 48...60V DC	1SDA054895R1	19,404,000
	MOE T4-T5 110...125V AC/DC	1SDA054896R1	19,404,000
	MOE T4-T5 220...250V AC/DC	1SDA054897R1	19,404,000
	MOE T6 24V DC	1SDA060395R1	28,099,200
	MOE T6 48...60V DC	1SDA060396R1	28,099,200
 MOE-E	MOE T6 110...125V AC/DC	1SDA060397R1	28,099,200
	MOE T6 220...250V AC/DC	1SDA060398R1	28,099,200
	Động cơ điều khiển cho T4-T5-T6 điều khiển bằng tín hiệu điện tử - MOE-E		
	MOE-E T4-T5 24V DC	1SDA054899R1	22,315,200
	MOE-E T4-T5 48...60V DC	1SDA054900R1	22,315,200
	MOE-E T4-T5 110...125V AC/DC	1SDA054901R1	22,315,200
	MOE-E T4-T5 220...250V AC/DC	1SDA054902R1	22,315,200
	MOE-E T6 24V DC	1SDA060400R1	31,224,000
	MOE-E T6 48...60V DC	1SDA060401R1	31,224,000
	MOE-E T6 110...125V AC/DC	1SDA060402R1	31,224,000
	MOE-E T6 220...250V AC/DC	1SDA060403R1	31,224,000

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax

Đặc điểm

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho T4-T5																																	
		Mã sản phẩm	Dự toán VND																																
	Khoá liên động cơ khí - MIR																																		
	MIR-HB - Khung cho liên động ngang	1SDA054946R1	10,046,400																																
	MIR-VB - Khung cho liên động đứng	1SDA054947R1	10,046,400																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại A	1SDA054948R1	5,023,200																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại B	1SDA054949R1	5,023,200																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại C	1SDA054950R1	5,023,200																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại D	1SDA054951R1	5,023,200																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại E	1SDA054952R1	5,023,200																																
	MIR-P - Đế cho liên động loại F	1SDA054953R1	5,023,200																																
	Ghi chú: Để liên động cho 2 MCCB, phải chọn 1 khung (MIR-HB hoặc MIR-VB) và 1 đế liên động (MIR-P: bao gồm 2 tấm đế) tùy theo loại liên động A,B,C,D,E,F dưới đây																																		
	<table><tr><th colspan="4">Interlock Loại</th></tr><tr><th colspan="4">Type</th></tr><tr><td>A</td><td>T4 (F-P-W)</td><td>+</td><td>T4 (F-P-W)</td></tr><tr><td>B</td><td>T4 (F-P-W)</td><td>+</td><td>T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)</td></tr><tr><td>C</td><td>T4 (F-P-W)</td><td>+</td><td>T5 630 (P-W)</td></tr><tr><td>D</td><td>T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +</td><td colspan="2">T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)</td></tr><tr><td>E</td><td>T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +</td><td colspan="2">T5 630 (P-W)</td></tr><tr><td>F</td><td>T5 630 (P-W)</td><td>+</td><td>T5 630 (P-W)</td></tr></table>		Interlock Loại				Type				A	T4 (F-P-W)	+	T4 (F-P-W)	B	T4 (F-P-W)	+	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)	C	T4 (F-P-W)	+	T5 630 (P-W)	D	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)		E	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +	T5 630 (P-W)		F	T5 630 (P-W)	+	T5 630 (P-W)	F - MCCB loại cố định P - MCCB loại Plug-in W - MCCB loại Withdrawable
	Interlock Loại																																		
	Type																																		
	A	T4 (F-P-W)	+	T4 (F-P-W)																															
	B	T4 (F-P-W)	+	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)																															
	C	T4 (F-P-W)	+	T5 630 (P-W)																															
	D	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F)																																
	E	T5 400 (F-P-W) or T5 630 (F) +	T5 630 (P-W)																																
	F	T5 630 (P-W)	+	T5 630 (P-W)																															
	Khoá liên động cơ khí - MIR - Chỉ dùng cho T6																																		
Horizontal interlock	1SDA060685R1	17,359,200																																	
Vertical interlock	1SDA060686R1	17,359,200																																	
Mã chuyển đổi trip truyền thông - Dialogue unit PR222DS/PD-T4-T5-T6																																			
LSI	1SDA055066R1	16,744,800																																	
LSIG	1SDA055067R1	21,770,400																																	
Bộ nối X3 cho MCCB cố định PR222DS or PR223DS	1SDA055059R1	1,663,200																																	
Bộ nối X3 cho MCCB plug in hoặc di động	1SDA055061R1	1,663,200																																	
* Để đổi trip release từ dạng PR222DS/P hay PR223DS/P sang PR222DS/PD hay PR223DS/PD phải chọn một mã hiển thị trạng thái bảo vệ và một mã cho bộ nối tương ứng.																																			
	Tay xoay - Loại trực tiếp cho T4-5-6																																		
	RHD dùng cho MCCB cố định T4-T5	1SDA054926R1	3,168,000																																
	RHD dùng cho MCCB Withdrawable T4-T5	1SDA054928R1	3,168,000																																
	RHD dùng cho MCCB cố định T6	1SDA060405R1	4,276,800																																
	RHD dùng cho MCCB Withdrawable T6	1SDA060407R1	4,276,800																																
	Tay xoay- Loại có trục nối dài cho T4-5-6																																		
	RHE dùng cho MCCB cố định T4-T5	1SDA054929R1	3,957,600																																
	RHE dùng cho MCCB Withdrawable T4-T5	1SDA054933R1	3,957,600																																
	RHE dùng cho MCCB cố định T6	1SDA060409R1	5,349,600																																
	RHE dùng cho MCCB Withdrawable T6	1SDA060411R1	5,349,600																																
	Bộ bảo vệ IP54 cho tay xoay của T4-5-6																																		
	RHE-IP54 protection kit IP54	1SDA054938R1	2,416,800																																

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax

Đặc điểm

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho T4-T5-T6-T7-T7M				
		Mã sản phẩm	Dự toán VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND	
	Phần cố định của MCCB loại kéo ra được (withdrawable)		3 Cực	4 Cực		
	EF = Front extended terminals	T4 W FP EF	1SDA054743R1	5,700,000	1SDA054746R1	11,203,200
		T5 W 400 FP EF	1SDA054755R1	7,646,400	1SDA054758R1	16,188,000
		T5 W 630 FP EF	1SDA054768R1	9,175,200	1SDA054771R1	19,425,600
		T6 W FP EF	1SDA060384R1	29,863,200	1SDA060387R1	38,822,400
		T7-T7M W FP EF	1SDA062045R1	38,253,600	1SDA062049R1	49,732,800
	VR = Rear flat vertical terminals	T4 W FP VR	1SDA054744R1	7,413,600	1SDA054747R1	8,616,000
		T5 W 400 FP VR	1SDA054756R1	9,938,400	1SDA054759R1	12,448,800
		T5 W 630 FP VR	1SDA054769R1	11,928,000	1SDA054772R1	14,942,400
		T6 W FP VR	1SDA060386R1	29,863,200	1SDA060389R1	38,822,400
	HR = Rear flat horizontal terminals	T4 W FP HR	1SDA054745R1	8,616,000	1SDA054748R1	11,203,200
		T5 W 400 FP HR	1SDA054757R1	12,448,800	1SDA054761R1	16,188,000
		T5 W 630 FP HR	1SDA054770R1	14,942,400	1SDA054774R1	19,425,600
		T6 W FP HR	1SDA060385R1	29,863,200	1SDA060388R1	38,822,400
	HR/VR = Rear flat terminals	T7-T7M W FP	1SDA062044R1	38,253,600	1SDA062048R1	49,732,800
		HR/VR				
	Kit chuyển MCCB cố định thành phần di động của loại kéo ra được		4 Cực			
	Bộ cơ khí cho MCCB loại Withdrawable T4-T5-T6-T7-T7M	Kit W MP T4	1SDA054841R1	3,645,600	1SDA054842R1	4,735,200
		Kit W MP T5 400	1SDA054845R1	5,544,000	1SDA054846R1	7,204,800
		Kit W MP T5 630	1SDA054849R1	7,600,800	1SDA054850R1	9,883,200
		Kit W MP T6	1SDA060390R1	7,560,000	1SDA060391R1	9,828,000
		Kit W MP T7-T7M	1SDA062162R1	12,854,400	1SDA062163R1	16,706,400
	Mặt để sử dụng cần thao tác cơ khí					
Mặt để sử dụng cần thao tác cơ khí FLD	FLD for T4-T5 W			1SDA054945R1	2,851,200	
	FLD for T6 W			1SDA060418R1	2,947,200	
Bộ tiếp điểm trượt dùng cho MCCB T7						
Left block - MP T7 - T7M				1SDA062164R1	2,234,400	
Central block - MP T7 - T7M				1SDA062165R1	2,234,400	
Right block - MP T7 - T7M				1SDA062166R1	2,234,400	
Left block - FP T7				1SDA063572R1	2,042,400	
Left block - FP T7M				1SDA062167R1	2,042,400	
Central block - FP T7 - T7M				1SDA062168R1	2,042,400	
Right block - FP T7 - T7M				1SDA062169R1	2,042,400	

FLD

Bộ tiếp điểm trượt

Ghi Chú: MCCB loại Withdrawable bao gồm các thiết bị sau:

1. MCCB loại cố định tương ứng
2. Phần cố định của MCCB loại Withdrawable
3. Bộ cơ khí cho MCCB loại Withdrawable
4. Mặt để sử dụng cần thao tác cơ khí, hoặc tay xoay, hoặc động cơ điều khiển

5. Bộ tiếp điểm trượt trong trường hợp CB được đk tự động hoặc có gắn các phụ kiện điện (chỉ dùng cho T7)

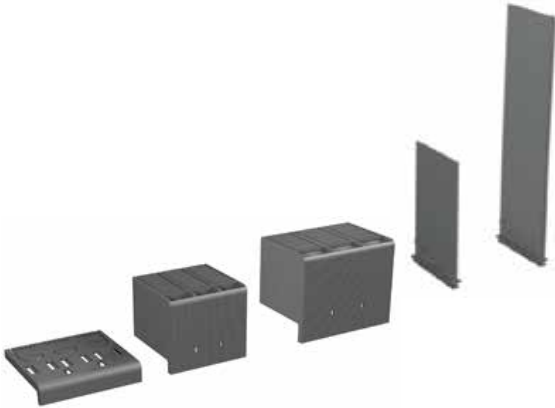
Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối Tmax

Đặc điểm
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Mã sản phẩm	Đơn giá VND	Mã sản phẩm	Dự toán VND
 R22	Bộ chống dòng rò gắn ngoài	3 Cực		4 Cực	
	RC Inst cho XT1	1SDA067122R1	21,004,800	1SDA067124R1	23,104,800
	RC Sel cho XT1	1SDA067123R1	29,654,400	1SDA067125R1	32,620,800
	RC Sel cho XT2			1SDA067126R1	35,337,600
	RC Inst cho XT3	1SDA067127R1	38,006,400	1SDA067129R1	41,810,400
	RC Sel cho XT3	1SDA067128R1	42,007,200	1SDA067130R1	46,209,600
	RC Sel cho XT4			1SDA067131R1	50,834,400
	RC222/4 for T4			1SDA054954R1	50,834,400
	RC222/5 for T5			1SDA054955R1	62,520,000
	Nắp che đầu nối, cách điện cao	3 Cực		4 Cực	
 HTC	HTC XT1	1SDA066664R1	1,020,000	1SDA066665R1	1,327,200
	HTC XT2	1SDA066666R1	1,164,000	1SDA066667R1	1,514,400
	HTC XT3	1SDA066668R1	1,456,800	1SDA066669R1	1,891,200
	HTC XT4	1SDA066670R1	2,851,200	1SDA066671R1	3,705,600
	HTC T5	1SDA054960R1	4,752,000	1SDA054961R1	6,175,200
	HTC T6	1SDA014040R1	1,214,400	1SDA014041R1	1,584,000
	Tấm ngăn pha - PB	4 Tấm		6 Tấm	
 PB	PB H=100mm XT1-XT3	1SDA066676R1	364,800	1SDA066681R1	547,200
	PB H=100mm XT2-XT4	1SDA066675R1	403,200	1SDA066680R1	602,400
	PB H=100mm T5-T7-T7M	1SDA054970R1	403,200	1SDA054971R1	602,400
	PB H=100mm T6	1SDA050696R1	844,800	1SDA050697R1	703,200
 ATS021	Bộ điều khiển tự động ATS				
	ATS021			1SDA065523R1	55,644,000
	ATS022			1SDA065524R1	72,259,200



Phụ kiện đầu nối



Phụ kiện tấm ngăn cách ly

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức

Phụ kiện dùng cho cầu dao tự động dạng khối T7-T7M

Đặc điểm
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2

Sản phẩm	Chi tiết	Dùng cho T7- T7M	
		Mã sản phẩm	Dự toán VND
	Tiếp điểm phụ - AUX cho T7-T7M		
	AUX 1Q 1SY 400V AC-T7	1SDA062104R1	2,870,400
	AUX 1Q 1SY 24V DC-T7	1SDA062103R1	2,870,400
	AUX 2Q 400V AC T7M	1SDA062102R1	2,870,400
	AUX 2Q 24V DC-T7M	1SDA062101R1	2,870,400
Tiếp điểm phụ	Tiếp điểm báo trip		
	AUX-SA 1 S51-T7	1SDA062105R1	2,296,800
	AUX-SA 1 S51-T7M	1SDA063553R1	2,296,800
	Cuộn shunt ngắt - SOR - cho T7-T7M		
	SOR 24V AC/DC	1SDA062065R1	5,714,400
	SOR 48V AC/DC	1SDA062067R1	5,714,400
	SOR 110...120V AC/DC	1SDA062069R1	5,714,400
	SOR 220...240V AC/DC	1SDA063548R1	5,714,400
	SOR 380...400V AC	1SDA062071R1	5,714,400
	SOR 415...440V AC	1SDA062072R1	5,714,400
Cuộn SOR/ UVR	Cuộn bảo vệ điện áp thấp		
	UVR 24V AC/DC	1SDA062087R1	7,351,200
	UVR 48V AC/DC	1SDA062089R1	7,351,200
	UVR 110...120V AC/DC	1SDA062091R1	7,351,200
	UVR 220...240V AC/DC	1SDA063552R1	7,351,200
	UVR 380...400V AC	1SDA062093R1	7,351,200
	UVR 415...440V AC	1SDA062094R1	7,351,200
	Cuộn Shunt đóng (chỉ dùng cho T7M)		
	SCR 24V AC/DC	1SDA062076R1	5,714,400
	SCR 48V AC/DC	1SDA062078R1	5,714,400
	SCR 110...120V AC/DC	1SDA062080R1	5,714,400
	SCR 220...240V AC/DC	1SDA063550R1	5,714,400
	SCR 380...400V AC	1SDA062082R1	5,714,400
	SCR 415...440V AC	1SDA062083R1	5,714,400
	Động cơ tự động sạc đóng lò xo - cho T7M		
	Spring charging motor 24...30V AC/DC	1SDA062113R1	32,671,200
	Spring charging motor 48...60V AC/DC	1SDA062114R1	32,671,200
	Spring charging motor 100...130V AC/DC	1SDA062115R1	32,671,200
	Spring charging motor 220...250V AC/DC	1SDA062116R1	32,671,200
Động cơ tự động sạc	Spring charging motor 380...415V AC	1SDA062117R1	32,671,200

Ghi chú: Giá dự toán chỉ dùng để tham khảo, vui lòng liên hệ ABB để nhận giá chính thức